

Về lưỡng đầu chế Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII - XVIII

Lư Vĩ An¹

Nhận ngày 06 tháng 04 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 2 tháng 7 năm 2021

Tóm tắt: Lưỡng đầu chế Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài là một hiện tượng đặc biệt trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII. Đó là thể chế vừa có vua lại vừa có chúa với hai bộ máy cùng song song tồn tại. Nhằm tìm hiểu lưỡng đầu chế thời Lê - Trịnh, bài viết này khái quát về nguồn gốc của lưỡng đầu chế và các kiểu mô hình nhà nước song song trong lịch sử. Bài viết cũng phân tích bối cảnh lịch sử của Đàng Ngoài thế kỷ XVI dẫn tới sự xuất hiện của lưỡng đầu chế Lê - Trịnh, đồng thời, trình bày cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước ở cung vua Lê và phủ chúa Trịnh. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra đánh giá về đặc điểm của lưỡng đầu chế thời Lê - Trịnh cũng như mối quan hệ giữa vua Lê với chúa Trịnh trong thể chế chính trị đặc biệt này.

Từ khóa: Đàng Ngoài, lưỡng đầu chế, nhị nguyên, song trùng lãnh đạo, thời Lê - Trịnh.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The Le - Trinh diarchy in Tonkin (Vietnamese: *Đàng Ngoài*) was a special phenomenon in the history of Vietnam between the 17th and 18th centuries. Aiming at understanding the diarchy of the Le - Trinh, the author provides an overview of the origins of the diarchy system and the co-rule state models in history. The article also analyses the historical context of Tonkin in the 16th century leading to the emergence of the Le - Trinh diarchy regime, and simultaneously, presents the organisational structure of the state apparatus in King Le's imperial palace and Lord Trinh's palace.

Keywords: Tonkin, diarchy, dualistic regime, co-rulers, Le - Trinh period.

Subject classification: History

¹ Đại học Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ.
Email: luvianbt@gmail.com

1. Mở đầu

Trong lịch sử chính trị thế giới, bên cạnh dạng thức chính trị tập quyền và tản quyền (phân quyền), đã từng xuất hiện thể chế chính trị với hai bộ máy nhà nước cùng tồn tại song song. Đó là dạng thức chính quyền kép, lưỡng đầu chế, hay còn gọi là cơ chế nhị nguyên hoặc song trùng lãnh đạo. Nó được định nghĩa là thể chế có hai vị vua đồng cai trị trên cùng một lãnh thổ (Lê Kim Ngân, 1969, tr.9). Lưỡng đầu chế thuộc về dạng hành pháp cộng hợp hay hành pháp nhị nguyên (song lập). Đối lập với dạng thức này là hành pháp nhất đầu do cá nhân một vị vua hay một nhà cầm quyền nắm giữ; và hành pháp đoàn là thể chế do tập thể nắm giữ. Lưỡng đầu chế là kiểu thể chế chính trị đã có từ thời cổ đại² phản ánh sự chuyển hóa giữa hai xu thế chính trị tập quyền và tản quyền ở những giai đoạn, hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử. Tại Đàng Ngoài (Việt Nam) từ cuối thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII đã xuất hiện lưỡng đầu chế Lê - Trịnh, một thể chế chính quyền kép, vừa có vua lại vừa có chúa. Nó được xem là một hiện tượng đặc biệt trong lịch sử dân tộc Việt Nam, nhưng lại chưa được quan tâm nghiên cứu phổ biến. Thời gian qua, chỉ có một vài nghiên cứu của Lê Kim

Ngân (1969), Nguyễn Văn Kim (2003, 2006) và Trần Quốc Vương (2008) đề cập tới vấn đề này. Trong phạm vi của bài viết, nhằm tìm hiểu một cách có hệ thống về nguồn gốc, bối cảnh lịch sử ra đời, cơ cấu tổ chức và những đặc trưng cơ bản của lưỡng đầu chế Lê - Trịnh, bài viết sử dụng phương pháp phân tích phê bình sử liệu để trình bày về lịch sử hình thành, phát triển cũng như đưa ra các nhận định và đánh giá về lưỡng đầu chế Lê - Trịnh. Tài liệu được sử dụng trong bài viết bao gồm các nguồn sử liệu như: *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, ghi chép của các giáo sĩ và thương nhân phương Tây đến Đàng Ngoài vào thời Lê - Trịnh như: Alexandre de Rhodes, Samuel Baron và Jérôme Richard, cũng như nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước về lưỡng đầu chế.

2. Nguồn gốc của lưỡng đầu chế trong lịch sử Việt Nam

Trong lịch sử Việt Nam, tuy xu thế chính trị tập quyền chiếm vị trí chủ đạo, nhưng không phải bao giờ tính chất tập quyền của nhà nước cũng được duy trì trọn vẹn. Đã có một vài lần xảy ra tình trạng cát cứ, đất nước phân liệt như loạn Thập nhị sứ quân (945 - 968), Nam - Bắc triều (1533 - 1592), Trịnh - Nguyễn phân tranh (Đàng Ngoài - Đàng Trong) thế kỷ XVI - XVIII. Trong các giai đoạn này, xu thế chính trị cũng có nhiều biến đổi phức tạp với sự xuất hiện của các loại hình thể chế nhị nguyên mang nét đặc trưng của lưỡng đầu chế. Đầu tiên có thể kể đến chính quyền tự chủ của

² Ở phương Tây thời cổ đại, lưỡng đầu chế được áp dụng lần đầu tiên ở thành bang Sparta (Hy Lạp) suốt từ thế kỷ IX đến thế kỷ III trước Công nguyên và sau đó là tại đế chế La Mã dưới dạng thức tổng tài (consuls). Còn ở phương Đông, bộ máy cai trị của Thôi phủ (kéo dài từ năm 1196 đến 1258) tại Triều Tiên thời Goryeo (918-1392) và chế độ Mạc phủ (kéo dài từ năm 1192 đến 1868) ở Nhật Bản có thể xem là những dạng thức điển hình của lưỡng đầu chế.

Hai Bà Trưng (Trưng Trắc và Trưng Nhị) được thành lập sau cuộc khởi nghĩa năm 40, với quyền hành thuộc về cả hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị. Đến thời nhà Ngô (939 - 965) xuất hiện chính quyền của Hậu Ngô Vương là Ngô Xương Văn và Ngô Xương Ngập. Năm 951, Ngô Xương Văn xưng Nam Tấn Vương đã đón anh mình là Ngô Xương Ngập về cùng trông coi triều chính. Ngô Xương Ngập xưng là Thiên Sách Vương và chính quyền của họ Ngô lúc đó tồn tại tới hai vua. Hai kiểu thể chế chính quyền nhị nguyên này chỉ mang tính ngẫu nhiên tạm thời, thiếu nền tảng pháp lý căn bản và không tạo thành quy định truyền thống (Lê Kim Ngân, 1969, tr.42). Vào thời nhà Trần (1226 - 1400) cũng tồn tại kiểu chính quyền lưỡng đầu nhưng tính chất hoàn toàn khác. Đó là chế độ Thái thượng hoàng với việc triều đình có hai vua: Thái thượng hoàng là vua cha bề trên, còn Quan gia (cách gọi vua thời Trần) là vua kế vị. Nó có tính chất giám hộ, là sự truyền thụ kinh nghiệm của lãnh đạo lớp trên đối với lãnh đạo kế tục nhằm giúp cho chính quyền thêm vững mạnh. Mô hình chính quyền nhị nguyên này là sự thay đổi hình thức của xu thế chính trị tập quyền nhằm đảm bảo chính quyền trung ương được củng cố vững chắc, bảo vệ quyền lực của nhà Trần. Sau khi nhà Trần sụp đổ, nhà Hồ vẫn duy trì cơ chế giám hộ với việc Hồ Quý Ly nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương để lên làm Thái thượng hoàng vào tháng 12 năm 1400. Tuy nhiên, cơ chế của nhà Hồ tồn tại không được bao lâu thì kết thúc với việc nhà Minh xâm lược Đại Việt năm 1407, nhà Hồ diệt vong. Mặc dù một số triều đại sau đó, như nhà Mạc và Lê Trung hưng vẫn có vài Thái thượng hoàng, nhưng chế độ Thái thượng

hoàng không còn được duy trì một cách thường xuyên, liên tục và bản chất cũng rất khác so với thời Trần.

Như vậy, trong lịch sử Việt Nam đã từng tồn tại nhiều bộ máy nhà nước kiểu song trùng (nhị nguyên) nhưng về tính chất cũng như biểu hiện đều khác nhau. Các kiểu chính quyền này đều có tính cách gia đình, dựa trên mối quan hệ huyết thống: vua chị - vua em, vua anh - vua em hoặc vua cha - vua con. Nó không xuất phát từ khía cạnh quyền lợi như lưỡng đầu thời Lê - Trịnh sau này (Lê Kim Ngân, 1969, tr.44). Về mặt cơ cấu tổ chức, các dạng thức chính quyền nhị nguyên trước thời Lê - Trịnh tuy có hai người đứng đầu (hai vua) nhưng chỉ có một bộ máy tổ chức nhà nước duy nhất, khác với thời Lê - Trịnh là hai người đứng đầu thuộc về hai bộ máy tổ chức khác nhau (vua Lê và chúa Trịnh). Sự xuất hiện của thể chế chính quyền Lê - Trịnh cuối thế kỷ XVI chính là biểu hiện điển hình nhất của lưỡng đầu chế trong lịch sử Việt Nam.

3. Bối cảnh lịch sử dẫn tới sự thiết lập chính quyền Lê - Trịnh

Sự ra đời của thể chế chính quyền Lê - Trịnh là hệ quả của một quá trình chính trị phức tạp ở Đại Việt vào thế kỷ XVI. Nó được mở đầu bằng việc năm 1527, nhà Lê sơ bị họ Mạc cướp ngôi. Tuy nhiên, vào năm 1533, một số cựu thần của nhà Lê đã phò tá hậu duệ nhà Lê khôi phục lại cơ đồ, gọi là Lê Trung hưng (1533 - 1788) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.108). Bấy giờ, nhà Lê đóng ở Thanh Hoá thuộc phía Nam nên sử cũ gọi là Nam triều, còn nhà Mạc đóng ở Thăng Long nên gọi là Bắc triều

(Viện Sử học, 2017, t.3, tr.501). Từ đó xảy ra cục diện phân tranh Nam - Bắc triều kéo dài gần 60 năm (1533 - 1592). Nó là biểu hiện của xu thế phân quyền trong thiết chế chính trị Đại Việt thế kỷ XVI và là sự xung đột giữa hai thế lực phong kiến, hai dòng họ Lê - Mạc. Sự nghiệp trung hưng của nhà Lê đến năm 1592 thì cơ bản hoàn tất, khi nhà Mạc bị đánh bại và nhà Lê chiếm lại kinh đô Thăng Long. Trong quá trình nhà Lê trung hưng, nổi lên vai trò của hai thế lực chính trị thuộc về hai dòng họ Nguyễn và Trịnh. Ban đầu, Nguyễn Kim là người phò tá nhà Lê khôi phục cơ nghiệp, nhưng đến năm 1545 thì ông bị đầu độc chết (Ngô Sĩ Liên, 1993, tr.124). Kể từ đó quyền lực rơi vào tay con rể của Nguyễn Kim là Trịnh Kiểm. Từ năm 1545 đến năm 1592, khi nhà Lê hoàn tất sự nghiệp trung hưng chính là quá trình họ Trịnh xác lập quyền lực của mình đối với nhà Lê. Cũng từ đây, mâu thuẫn giữa Nguyễn Hoàng và Trịnh Kiểm (vốn là con trai - con rể của Nguyễn Kim) ngày càng gay gắt. Mâu thuẫn giữa hai người đã trở thành mâu thuẫn giữa hai dòng họ, rộng hơn là hai tập đoàn chính trị. Chính mâu thuẫn này đã dẫn tới sự xuất hiện của một cục diện xung đột khác ở Đại Việt thời bấy giờ. Đó là cục diện Trịnh - Nguyễn phân tranh với các trận giao tranh dữ dội kéo dài từ năm 1627 đến năm 1672 (Viện Sử học, 2017, t.4, tr.42). Sau 45 năm với bảy lần giao tranh khốc liệt, hai dòng họ Trịnh và Nguyễn đã lấy sông Gianh làm ranh giới phân chia tạm thời đất nước. Sự phân chia này đã tạo thành cục diện Đàng Ngoài ở phương bắc và Đàng Trong ở phương nam. Các tài liệu phương Tây

đương thời gọi Đàng Ngoài là Tonkin (với các biến âm khác như Tonqueen, Tonking, Tunquin, Tunchim) còn Đàng Trong là Cochinchina (Olga Dror - K. W. Taylor, 2006, tr.15). Ở Đàng Ngoài, sau khi nhà Lê trung hưng, họ Trịnh đứng đầu là Trịnh Tùng (con của Trịnh Kiểm) đã vươn tới xác lập quyền lực tuyệt đối của mình đối với vua Lê. Bằng chứng là vào năm 1599, Trịnh Tùng ép vua Lê cho mình và con cháu được thế tập tước vương. Trịnh Tùng còn thiết lập phủ chúa, đặt quan chức (Quốc sử quán nhà Nguyễn, 2007, tr.222). Kể từ đây mọi quyền bính đều do họ Trịnh nắm giữ, vua Lê chỉ còn hư vị (George E. Dutton - Jayne S. Werner - John K. Whitmore, 2012, tr.92). Từ đó, hình thành nên lưỡng đầu chế với cung vua và phủ chúa, mở đầu thời kỳ Lê - Trịnh hết sức đặc biệt trong lịch sử Việt Nam.

Có thể thấy, quá trình xác lập quyền lực của họ Trịnh diễn ra trong bối cảnh chính trị - xã hội vô cùng phức tạp ở Đại Việt vào thế kỷ XVI. Trong bối cảnh đó, nhiều lực lượng chính trị đã xuất hiện trên vũ đài chính trị của đất nước mà họ Trịnh là một trong số đó. Với xuất thân hàn vi (Hoàng Xuân Hãn, 1966, tr.4), họ Trịnh đã phải cạnh tranh gay gắt với nhiều thế lực chính trị thời bấy giờ là Lê, Mạc và Nguyễn để giành lấy quyền lực. Việc họ Trịnh thiết lập vương phủ tồn tại song song bên cạnh triều đình vua Lê đã đánh dấu bước thắng lợi về mặt chính trị - quân sự của gia tộc này đối với các tập đoàn chính trị khác. Nói cách khác, sự ra đời của lưỡng đầu chế Lê - Trịnh là hệ quả tất yếu của diễn trình lịch sử dân tộc Việt Nam thế kỷ XVI.

4. Cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước thời Lê - Trịnh

Buổi ban đầu, từ khi nhà Lê tái lập năm 1533 đến khi họ Trịnh thế tập tức vương và lập vương phủ năm 1599, tổ chức bộ máy nhà nước về cơ bản vẫn dựa trên quy chế của thời Lê sơ (1428 - 1527) (Viện Sử học, 2017, t.4, tr.72). Từ năm 1599 trở đi, cùng với việc thiết lập vương phủ, tổ chức bộ máy nhà nước mới bắt đầu có sự thay đổi lớn, đó là hiện tượng bên cạnh cung vua còn có phủ chúa và càng về sau quyền lực càng được thu tóm về phủ chúa, triều đình vua Lê chỉ còn hư danh. Các vua Lê vẫn được gọi là vua, trong khi các nhà cai trị họ Trịnh thì được gọi là chúa (như phó vương) (Olga Dror - K. W. Taylor, 2006, tr.20). Kể từ đây, chúa Trịnh mới là người cai trị thực sự của đất nước, còn vua Lê chỉ có hư vị mà không có thực quyền, hoàn toàn bị chúa Trịnh kiểm soát.

4.1. Tổ chức bộ máy triều đình vua Lê

Triều đình vua Lê vẫn tổ chức thành Lục bộ, gồm Lại, Lễ, Hộ, Binh, Hình, Công như thời Lê sơ trước đó. Điều hành công việc ở các bộ là các Thượng thư cùng hai viên Tả, Hữu thị lang chịu trách nhiệm chung với cơ quan thường trực là Vụ tư sảnh (Trần Thị Vinh, 2004, tr.22). Bên cạnh đó, tùy theo công việc của từng bộ mà các bộ còn có thêm các cơ quan chuyên trách. Ban đầu, số Thượng thư bên Lục bộ vẫn chưa đầy đủ, đến năm 1664 mới được kiện toàn (Ngô Sĩ Liên, 1993, tr.270). Vào năm 1675, chúa Trịnh quy định lại tổ chức và công việc của sáu bộ như sau: “Bộ Lại giữ các việc quan tước,

phong tặng, tuyển bổ khảo xét, thăng giáng và các việc bổ sung, chu cấp. Bộ Hộ giữ các việc đất đai, nhân dân, kho tàng, tiền tệ, lương thực, vận chuyển và các việc bổng lộc, thuế khóa, cống nộp, muối mắm, gang sắt. Bộ Lễ giữ các việc lễ nghi, cúng tế, chúc tụng, yến ẩm, học đường, các nghi thức về áo mũ, ấn phù, chương biểu, cống sứ, triều cận, kiêm coi các việc về thiên văn, thuốc men, bói toán và tăng đạo, giáo phường, đồng văn, nhã nhạc. Bộ Binh giữ các việc binh nhung, cấm vệ, xe ngựa, nghi trượng, khí giới và các việc về biên cương, trấn thủ, nhà trạm, nơi hiểm yếu, việc khẩn cấp. Bộ Hình giữ các việc luật lệnh, hình pháp, xét xử ngục tụng, xử tội về ngũ hình. Bộ Công giữ các việc về thành trì, cầu cống, đường sá, việc thổ mộc, thuyền thợ và các công việc về xây dựng, sửa chữa, các điều cấm về núi rừng, vườn tược, sông đầm” (Ngô Sĩ Liên, 1993, tr.297).

Giúp việc cho Lục bộ có Lục tự, được thiết lập từ năm 1466 dưới thời Lê sơ và tiếp tục tồn tại suốt thời Lê - Trịnh. Lục tự bao gồm: Đại lý tự, Thái thường tự, Quang lộc tự, Thái bộc tự, Hồng lô tự và Thượng bảo tự. Đứng đầu mỗi tự là một viên Tự khanh hàm chánh ngũ phẩm, một viên Thiếu khanh hàm chánh lục phẩm và một viên Tự thừa hàm chánh thất phẩm (Viện Sử học, 2017, t.4, tr.73). Ngoài ra, còn có Lục khoa giám sát công việc tương ứng của các bộ, gồm Lại khoa, Hộ khoa, Lễ khoa, Binh khoa, Hình khoa và Công khoa. Đứng đầu từng khoa là các quan Đô cấp sự trung hàm chánh thất phẩm và Cấp sự trung hàm chánh bát phẩm. Ngoài Lục khoa làm nhiệm vụ giám sát công việc từng bộ theo chuyên môn còn

có Ngự sử đài giữ nhiệm vụ kiểm soát tất cả các cơ quan và các quan lại về tổng thể (Viện Sử học, 2017, t.4, tr.74). Trên Lục bộ vẫn duy trì các chức đại thần là Đại Tư đồ, Đại Tư mã, Đại Tư không và bốn chức Thái tử là Thái phó, Thái bảo, Thái tử thái phó, Thái tử thái bảo. Kế đó là Thiếu phó và Thiếu bảo rồi mới tới Thượng thư sáu bộ (Khuyết danh, 1977, tr.59).

Bên ngạch võ ban, cơ bản vẫn duy trì tổ chức quân đội có từ thời Lê sơ là Ngũ quân đô đốc phủ gồm có: Trung quân, Nam quân, Bắc quân, Tây quân và Đông quân (Viện Sử học, 2017, t.4, tr.82). Mỗi phủ quân đều có các chức Tả đô đốc, Hữu đô đốc, Đô đốc đồng tri, Đô đốc thêm sự phụ trách (Khuyết danh, 1977, tr.54).

Đến năm 1720 đời vua Lê Dụ Tông (1705 - 1729) thì bộ máy triều đình vua Lê có sự thay đổi lần nữa. Theo đó, có thêm nhiều quan chế mới được sắp đặt ở cả văn ban lẫn võ ban. Ngoài ra, lại xác định thêm các hình thức chức trách mới: “Lại đặt thêm các danh hiệu chương, tri, kiêm, thự, hành, quyền. Chức cao mà coi việc nha thấp gọi là chương. Quan bản nha coi việc thuộc quyền mình gọi là tri. Chức này nhận thêm chức khác gọi là kiêm. Phẩm hàm thấp mà tạm làm việc bản nha gọi là thự. Phẩm cao mà làm việc phẩm thấp gọi là hành, phẩm thấp mà lên tạm coi công việc của phẩm cao gọi là quyền, tùy tiện mà đặc gia thêm, đều có định hiệu” (Phan Huy Chú, 2005, tr.545).

Do sự lấn át quyền hành của chúa Trịnh đối với vua Lê nên tuy là triều đình của nhà vua, song hầu hết quan lại ở các bộ đều là người của phủ chúa kiêm nhiệm và làm

việc dưới quyền chỉ huy của chúa Trịnh (Viện Sử học, 2017, t.4, tr.77). Tuy vậy, triều đình vua Lê vẫn là một bộ máy tổ chức quy củ, giữ vị trí nhất định đối với nền chính trị. Với chỉ dụ năm 1675, có thể thấy Lục bộ của triều đình vẫn đóng vai trò là cơ quan đầu não của chính quyền. Chúa Trịnh tuy nắm hết mọi quyền hành, thao túng Lục bộ và kiểm soát triều đình, song về mặt danh nghĩa vẫn là phụ tá bên cạnh vua Lê.

4.2. Tổ chức bộ máy vương phủ chúa Trịnh

Bộ máy tổ chức của phủ chúa Trịnh chính thức được thiết lập vào năm 1599 với việc Trịnh Tùng ép vua Lê sách phong cho mình tước vương và được lập vương phủ. Chúa Trịnh được ban ngọc toàn (chén ngọc), tiết mao (cờ lông) và hoàng việt (búa vàng) là ba thứ tượng trưng cho quyền lực của vua chúa: “Từ đấy, chính sự quyền bính đều do chúa Trịnh tự quyết đoán, của cải, thuế khóa, quân lính và nhân dân hết thảy về phủ chúa cả. Về phần vua Lê, thì chế độ bổng lộc chỉ để 1.000 xã làm bổng lộc dâng lên vua gọi là lộc thượng tiến, quân lính trong cung điện để túc trực và hộ vệ chỉ còn có 5.000 lính, 7 thớt voi và 20 chiếc thuyền rồng” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.222).

Sau khi thiết lập được vương phủ riêng, họ Trịnh tiến hành đặt ra một bộ máy chính quyền mới ở phủ chúa, tương ứng với bộ máy tổ chức đã có ở bên cung vua Lê. Đầu tiên, để bàn chính sự ở vương phủ, vào năm 1600, chúa Trịnh đã đặt thêm chức Tham tụng, tương đương Tể tướng. Tuy về phẩm thứ chưa quy định, song quyền lực của Tham tụng rất lớn, đều do

chúa Trịnh tiến cử từ các quan Thượng thư hoặc Thị lang (Phan Huy Chú, 2005, tr.553). Sang năm 1601, chúa Trịnh đặt thêm chức Bồi tụng, tức Á tướng đảm trách công việc của Phó Tể tướng. Những người giữ chức này cũng đều do chúa Trịnh tự quyền lựa chọn (Phan Huy Chú, 2005, tr.554). Dưới Tham tụng và Bồi tụng là các Phiên, cơ quan có chức năng tương đương Bộ bên triều đình. Ban đầu chỉ có Tam phiên là Hộ phiên, Binh phiên và Thủy sư phiên (Viện Sử học, 2017, t.4, tr.77). Việc tổ chức Tam phiên là nhằm đảm trách những nhiệm vụ và công việc mới đặt ra với chúa Trịnh buổi đầu sau khi thành lập vương phủ. Điều đáng chú ý là mặc dù đã thành lập Tam phiên nhưng chúa Trịnh vẫn xác định nhiệm vụ chủ chốt lúc này vẫn thuộc về Lục bộ bên triều đình.

Đến thời Trịnh Tạc, tổ chức bộ máy phủ chúa mới dần trở nên hoàn thiện hơn. Do tập trung binh quyền nên quan chức ngạch võ ban được chú trọng thiết lập trước. Vào năm 1664, Trịnh Tạc đặt thêm các chức quan Chuông phủ sự và Thự phủ sự trong ngũ phủ để bàn định các công việc trong phủ và xem xét các giấy tờ tâu lên: “Trong ngũ phủ đều đặt chức Đô đốc phủ Chuông phủ sự và Đô đốc phủ Thự phủ sự” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.308). Kế đó là chức Quyền phủ sự phẩm hàm thấp hơn. Các chức Chuông phủ sự, Thự phủ sự và Quyền phủ sự bên ngạch võ ban gọi là quan Ngũ phủ. Các chức Tham tụng, Bồi tụng bên văn ban gọi là quan Phủ liêu. Ngũ phủ cùng với Phủ liêu hợp thành một cơ quan gọi là Ngũ phủ - Phủ liêu. Từ đây, nó trở thành cơ quan tối cao, điều hành mọi hoạt động của phủ chúa Trịnh: “Phàm có chính lệnh gì thì hành đều xưng chung là các quan Ngũ phủ - Phủ liêu” (Phan Huy Chú, 2005, tr.564).

Đến đời Lê Dụ Tông thì các chức đứng đầu Ngũ phủ tuy thuộc về ngạch võ ban nhưng phần lớn đều do các quan văn nắm giữ. Chức trách của các quan Chuông phủ sự, Thự phủ sự ở Ngũ phủ và Tham tụng ở Phủ liêu được xác định là: uốn nắn lòng vua, chọn lựa quan lại, bàn phép trị dân, thẩm xét binh cơ, chế định tài chính, định lệ kiện tụng, hội kê đình điền, làm đúng thưởng phạt, giữ đúng pháp luật (Phan Huy Chú, 2005, tr.578-583). Còn chức trách của Quyền phủ sự ở Ngũ phủ và Bồi tụng ở Phủ liêu là “theo các chức Chuông phủ, Thự phủ, Tham tụng mà bàn định công việc, để xét hỏi những tờ khai kêu lên phủ chúa” (Phan Huy Chú, 2005, tr.583).

Có thể thấy, quá trình thành lập Ngũ phủ - Phủ liêu đứng đầu phủ chúa thực chất là quá trình thu tóm mọi quyền hành từ cung vua Lê sang phủ chúa Trịnh. Chưa dừng lại ở đó, đến năm 1718, từ ba phiên thuở ban đầu, chúa Trịnh tiếp tục đặt đủ sáu phiên ở vương phủ để tương ứng với sáu bộ bên triều đình: “Đến nay đặt thêm Lại phiên, Lễ phiên, Hình phiên, Công phiên cùng với Binh phiên, Hộ phiên đã đặt từ trước gọi là Lục phiên” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.411-412). Kể từ đó Lục phiên thay thế hoàn toàn chức năng và công việc của Lục bộ: “Phàm những việc tiền tài, thuế khoá, việc quân, việc dân ở trong cung cùng bốn trấn, hai xứ Thanh - Nghệ, các trấn ngoại phiên, đều thuộc cả về các phiên ty. Chức vụ sáu phiên nhiều và trọng yếu, chuyên hết mọi việc của sáu bộ” (Phan Huy Chú, 2005, tr.562). Quan lại làm việc ở Lục phiên chủ yếu thuộc ngạch văn ban. Đứng đầu các phiên là Tri phiên, tiếp đó là Phó Tri phiên (Phó đô) và Thiêm tri phiên (Thiêm tri) cùng các thuộc lại ở mỗi phiên

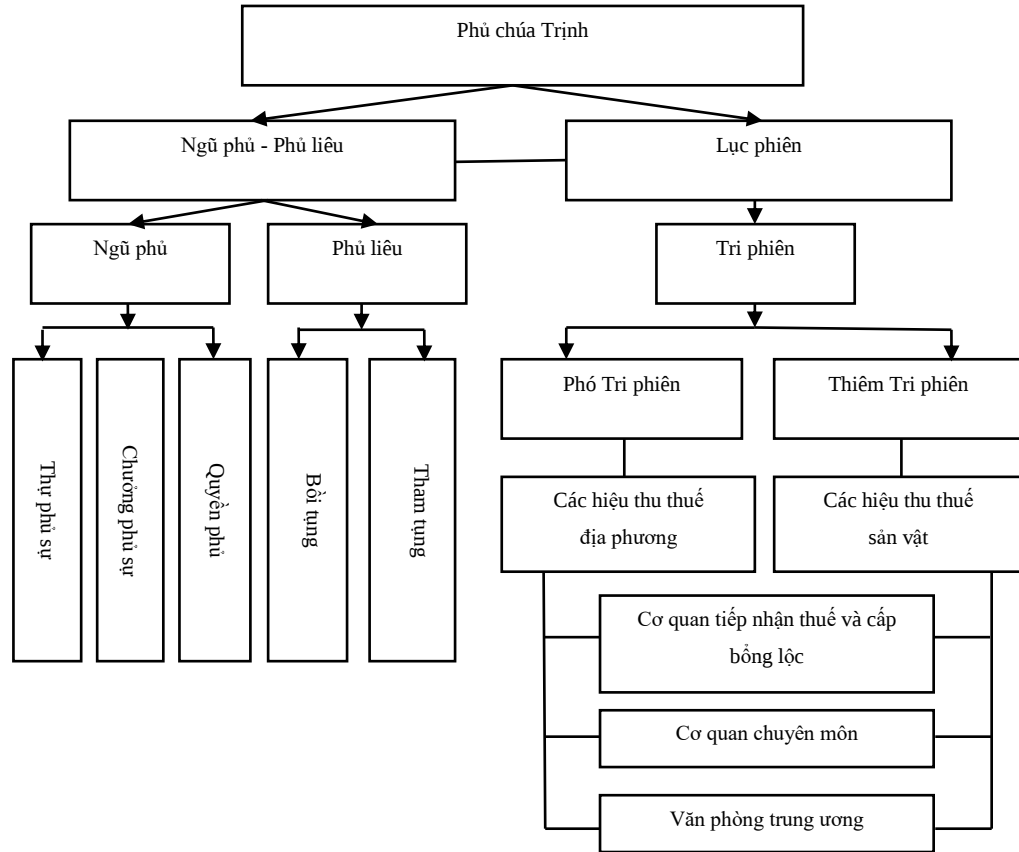
tất cả 60 người (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.412). Các thuộc lại gồm Nội sai và Lại viên. Trong đó, Nội sai chịu trách nhiệm điều hành công việc hàng ngày của Lục phiên. Còn Lại viên là những quan chức được tuyển dụng qua các kỳ thi thư toán giữ việc ghi chép sổ sách, chuyển đạt công văn, thừa hành mệnh lệnh của các quan trên sai phái (Viện Sử học, 2017, t.4, tr.80). Việc tuyển dụng các chức Tri phiên, Phó Tri phiên và Thiêm tri phiên tương tự như các chức Thượng thư, Tả, Hữu Thị lang bên các bộ của triều đình. Từ năm 1751 trở đi thì hầu hết Tri phiên cũng đồng thời là người đứng đầu bộ bên phía triều đình (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.615). Bên cạnh Lục phiên, chúa Trịnh còn đặt thêm Lục cung, trực thuộc Lục phiên để trung thu thuế và quản lý việc sổ sách thuế tô cũng như chính lệnh về tài sản, thuế khóa và binh lính, dân đinh ở các trấn (Trần Thị Vinh, 2004, tr.24). Lục cung bao gồm: “Tả trung cung: có các hiệu tả giáp, tả ất; Hữu trung cung: có các hiệu hữu giáp, hữu ất; Đông cung: có các hiệu đông giáp, đông ất; Nam cung: có các hiệu nam giáp, nam ất; Đoài cung: có các hiệu đoài giáp, đoài ất; Bắc cung: có các hiệu bắc giáp, bắc ất” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.412).

Việc thiết lập Lục phiên và Lục cung đã đánh dấu bước vô hiệu hoá hoàn toàn hoạt động của Lục bộ bên cung vua Lê. Lục bộ cũng như Lục tự bên triều đình từ đây trở về sau chỉ còn là hình thức, hư danh, không còn vai trò gì nữa: “Thì chính sự của các bộ bị lấn cướp mất hết, đến cả các bậc ở khoa, ở tự cũng chỉ là những chức hàm hư không và nhàn tản” (Phan Huy Chú, 2005, tr.626). Như vậy từ năm 1664 đến năm 1718, chỉ

trong vòng nửa thế kỷ từ Ngũ phủ - Phủ liêu đến Lục phiên, về mặt bộ máy tổ chức lẫn thực quyền, các chúa Trịnh đã hoàn tất việc thu tóm mọi quyền lực từ cung vua về phủ chúa. Các chúa Trịnh trên danh nghĩa chỉ xưng vương và đứng đầu Ngũ phủ - Phủ liêu, nhưng trên thực sự mới là người nắm quyền cai trị đất nước. Trong khi đó, các vua Lê tuy trên danh nghĩa là người đứng đầu triều đình, song hoàn toàn không có bất cứ quyền hành thực tế nào.

Sự tồn tại đồng thời của hai bộ máy tổ chức: một hư danh bên triều đình vua Lê, một thực quyền bên vương phủ chúa Trịnh đã khiến cho hệ thống chính quyền thời Lê - Trịnh trở nên khá phức tạp và công kênh. Những cơ quan vốn có từ trước bên triều đình vua Lê hầu như không còn hoạt động song vẫn được duy trì. Bên cạnh đó, nhiều cơ quan với các phẩm hàm, chức tước mới cần phải đặt ra để đáp ứng yêu cầu hoạt động của phủ chúa Trịnh. Điều này dẫn tới tính chất quan liêu của thể chế nhà nước thời Lê - Trịnh. Cũng cần nói rõ rằng, tuy về số chức tước, phẩm hàm khá phức tạp và công kênh, song do việc kiêm nhiệm chức trách (quan lại bên phủ chúa Trịnh thực tế cũng đồng thời giữ chức tước bên triều đình vua Lê) nên số lượng quan lại thời Lê - Trịnh được cho là ít hơn thời Lê sơ: “Tổng số quan văn lẫn quan võ, cả trong kinh lẫn ngoài trấn gồm 4.483 người” (Khuyết danh, 1977, tr.65). Trong khi số lượng quan lại thời Lê sơ là 5.398 người (Trần Thị Vinh, 2004, tr.29). Nó cho thấy sự đặc biệt của bộ máy nhà nước thời Lê - Trịnh là số chức tước nhiều song số lượng quan lại lại ít hơn. Qua đó phản ánh được tính lưỡng đầu, nhị nguyên, kiêm nhiệm của kiểu thể chế chính quyền này.

Tổ chức bộ máy phủ chúa Trịnh



5. Một số đặc điểm cơ bản của lưỡng đầu chế Lê - Trịnh

Sự xuất hiện và tồn tại của lưỡng đầu chế Lê - Trịnh với thiết chế vừa vua vừa chúa là một hiện tượng đặc biệt trong lịch sử Việt Nam. Nó đã được nhiều thương nhân và giáo sĩ phương Tây đến Đàng Ngoài thời bấy giờ đề cập đến. Chẳng hạn, William Dampier (nhà thám hiểm, thương nhân người Anh, đến Đàng Ngoài vào năm 1688) cho biết: “Vương quốc này theo chế độ quân chủ tuyệt đối, nhưng là một dạng mà trên thế

giới không đâu có; vì nó có hai vị vua và mỗi vị đều là tối thượng theo cách đặc biệt của riêng mình: một người gọi là Boua, người kia là Choua. Boua và tổ tiên của ông đã từng là những quốc vương duy nhất của Đàng Ngoài. Hai vị vua hiện tại, không có bất cứ liên hệ nào về huyết thống hay dòng họ” (William Dampier, 1906, tr.1). Giovanni Francesco Gemelli Careri, nhà thám hiểm người Ý trong ghi chép vào năm 1695 cũng cho biết: “Từ đó đến nay, xứ Đàng Ngoài đã có hai loại vua, những ông vua chính thống gọi là Bouas, và những người chiếm giữ quyền gọi là Kivas (Kiau) hay thống lĩnh.

Họ cấp phát kinh phí cần thiết cho Bouas” (Nguyễn Thừa Hỷ, 2010, tr.233). Richard Jérôme trong tác phẩm *Histoire naturelle, civile et politique tu Tonquin* (Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị Đàng Ngoài) viết năm 1778, thì cho rằng lưỡng đầu chế Lê - Trịnh có nét tương đồng với Mạc phủ ở Nhật Bản: “Thể chế chính quyền này dường như người Đàng Ngoài lấy từ mẫu hình của Nhật Bản, đã được xác lập vững chắc và cho đến nay có vẻ rất là được lòng của dân tộc, và tất cả những đặc quyền hoàng gia là đều được phân chia của chúa hay tướng quân” (Richard Jérôme, 1811, tr.747).

Qua việc phân tích tổ chức bộ máy cung vua Lê và phủ chúa Trịnh, có thể thấy lưỡng đầu chế thời Lê - Trịnh có một số đặc điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, lưỡng đầu chế Lê - Trịnh là một thể chế nhị nguyên (Lê Kim Ngân, 1969, tr.315). Nó là một chính quyền song trùng, có hai bộ máy tổ chức của hai cực: một vua - một chúa thuộc về hai dòng họ, hai thể lực chính trị khác nhau là Lê và Trịnh. Tuy vẫn là bộ máy nhà nước chuyên chế bởi quyền lực được tập trung vào hai cực là vua và chúa, song lưỡng đầu chế Lê - Trịnh không phải là mô hình chính trị tập quyền như đã biết ở phương Đông, cũng không phải là mô hình chính trị tản quyền như ở phương Tây thời trung cổ. Lưỡng đầu chế Lê - Trịnh thuộc về mô hình chính trị đang trong quá trình chuyển hóa, mang tính nhị nguyên trong một cấu trúc chính trị được hợp nhất, được ví von như một “bào tử song sinh” của nền chính trị Đại Việt thế kỷ XVII - XVIII. Nói cách khác, chính quyền Lê - Trịnh vẫn là một bộ máy tổ chức thống nhất gồm hai cực song hành chứ không bị phân liệt hay tan rã. Bối cảnh chính trị rối ren với cục diện Nam - Bắc

triều rồi Đàng Ngoài - Đàng Trong và sự xuất hiện của nhiều lực lượng chính trị vừa đối lập vừa thỏa hiệp lẫn nhau, như: họ Lê, họ Mạc, họ Trịnh, họ Nguyễn ở Đại Việt khi đó đã dẫn tới sự xuất hiện của lưỡng đầu chế.

Thứ hai, lưỡng đầu chế Lê - Trịnh phản ánh sự cộng hợp trong quyền lực. Tuy vậy, sự cộng hợp này phần nhiều mang tính hình thức và mặc nhiên thỏa hiệp bởi trong thực tế, vua Lê không có quyền hành, ngoại trừ việc ban hành các sắc dụ, luật lệ do chúa Trịnh quy định (Lê Kim Ngân, 1969, tr.39). Hai bộ máy tổ chức cung vua và phủ chúa thuộc về hai cực chính quyền vua và chúa rõ ràng có sự đối lập lớn, song vẫn có sự cộng hợp lẫn nhau để duy trì lợi ích chính trị và vận hành đất nước. Đó là do giữa cung vua Lê và phủ chúa Trịnh tuy có mâu thuẫn với nhau, song hai bên vẫn có chung những lợi ích cơ bản, đan xen và phụ thuộc lẫn nhau nên có thể cùng song song tồn tại (Nguyễn Văn Kim, 2006, tr.220-221). Hai bên còn dựa vào nhau để duy trì quyền lực. Thực tế là nếu vua Lê mất, chúa Trịnh cũng không thể tồn tại. Ngược lại, nếu không có chúa Trịnh, vua Lê cũng không thể giành lại ngai vàng từ họ Mạc và hoàn tất sự nghiệp trung hưng. Hơn nữa, nhà Lê sau khi trung hưng không còn đủ năng lực để cai trị đất nước. Điều này đặt ra thực tế cần có những người đủ năng lực để phò tá. Phủ chúa Trịnh ra đời đã đáp ứng yêu cầu này. Nó giữ vai trò và chức năng mới, đảm trách các công việc mà nhà Lê không thể thực hiện. Phủ chúa vừa kiểm toả ảnh hưởng vừa thay thế thực quyền của nhà Lê, một triều đại đã suy yếu không còn đủ năng lực nắm giữ vị trí trung tâm chính trị của đất nước (Nguyễn Văn Kim, 2006, tr.211). Từ đó

hình thành nên lưỡng đầu chế Lê - Trịnh với tính cộng sinh đặc thù.

Thứ ba, lưỡng đầu chế Lê - Trịnh mang hình thái phân nhiệm quyền lực. Trong thiết chế nhà nước thời Lê - Trịnh, vua Lê giữ ngôi vị tối cao nhưng vô quyền còn chúa Trịnh ngôi vị thứ yếu nhưng có thực quyền. Quyền lãnh đạo trong lưỡng đầu chế Lê - Trịnh tách thành hai phạm vi: thần quyền - nghi lễ thuộc về đế quyền vua Lê, thế quyền - thực quyền thuộc về vương quyền chúa Trịnh (Lê Kim Ngân, 1969, tr.315). Sự phân nhiệm quyền lực này được thể hiện ở các phương diện cơ bản sau đây:

Ở phương diện hành chính về mặt pháp lý, địa vị vua Lê vẫn là độc tôn. Với tư cách là người đứng đầu quốc gia, vua Lê vẫn chủ trì các nghi lễ triều đình và mọi văn thư của chúa Trịnh trên danh nghĩa cần phải được vua Lê đồng ý phê duyệt. Tất cả các quan lại kể cả chúa Trịnh đều nhận chức tước do vua Lê ban phong. Vua Lê có quyền gia phong, thăng giáng, bãi nhiệm đối với các quan lại (Lê kim Ngân, 1969, tr.319-320).

Ở phương diện lập pháp, vua Lê vẫn có quyền ban hành các văn bản lập pháp tối cao có tính phổ quát dưới hình thức dụ hay sắc dụ (nội dung quan trọng) hoặc chiếu, sắc chỉ (nội dung bình thường). Còn chúa Trịnh chỉ có quyền ban bố những văn bản lập pháp có tính phổ thông, nêu rõ trường hợp áp dụng gọi là lệnh, lệnh dụ hay chỉ truyền (Lê Kim Ngân, 1969, tr.321).

Trên phương diện tư pháp, ảnh hưởng của vua Lê còn khá quan trọng ở cấp chung thẩm, song ở cấp tối cao chúa Trịnh mới thực sự là người quyết định cao nhất, còn vua Lê chỉ có vai trò biểu kiến với nhiệm vụ ban bố đại xá hoặc xá tội phạm nhân do

chúa Trịnh đã xử lý xong (Lê Kim Ngân, 1969, tr.327).

Trên phương diện quân sự, chúa Trịnh với chức vụ tổng quốc chính mới thực sự là người đứng đầu toàn quân, có quyền điều động, tuyển bổ binh lính và có nhiệm vụ giữ gìn an ninh đất nước, vua Lê chỉ có vai trò chủ tọa tham dự các nghi lễ (Lê Kim Ngân, 1969, tr.328).

Ở phương diện ngoại giao, triều đình Trung Hoa chỉ công nhận vua Lê là người đại diện hợp pháp và duy nhất của Đại Việt. Về danh nghĩa vua Lê là nguyên thủ quốc gia, chỉ có vua Lê mới có quyền tiếp kiến các phái đoàn ngoại giao, cử sứ sang Trung Hoa và trao đổi văn thư với các nước (Vladimir Antoshchenko, 2002, tr.163). Còn các chúa Trịnh chỉ được coi là người phụ tá của vua Lê, tức phó vương. Nhưng trong thực tế mọi đường lối đối ngoại đều nằm trong quyền quyết định của chúa Trịnh (Lê Kim Ngân, 1969, tr.329).

Tương quan vai trò giữa vua Lê với chúa Trịnh, giữa triều đình và phủ chúa trong thể chế lưỡng đầu này là quyền lực ngày càng được thu tóm và chuyển dần từ tay triều đình vua Lê sang phủ chúa Trịnh. Chúa Trịnh trở thành người thực tế điều hành đất nước, nắm mọi thực quyền còn vua Lê thì bị vô hiệu hoá, chỉ còn hình thức (Vladimir Antoshchenko, 2002, tr.162). Chức tước, phẩm hàm bên triều đình vua Lê do quan lại bên phủ chúa kiêm nhiệm từng bước.

Thứ tư, lưỡng đầu chế Lê - Trịnh thể hiện sự thụ ủy của đế quyền đối với vương quyền và tư cách phụ tá của chúa Trịnh đối với vua Lê (Lê Kim Ngân, 1969, tr.165). Nguồn gốc quyền lực của chúa Trịnh bắt nguồn từ vua Lê, tuy chúa Trịnh nắm mọi quyền hành nhưng trên danh nghĩa chúa Trịnh vẫn là thần tử của nhà Lê, phải phục

tùng địa vị của vua Lê và dùng danh vị vua Lê để thực hành quyền lực. Dù vậy, trong suốt gần 200 năm tồn tại của lưỡng đầu chế Lê - Trịnh (1599 - 1786), nhà Lê luôn chịu sự kiểm soát, khống chế của họ Trịnh. Nhà Lê tuy vẫn làm vua (về danh nghĩa là người đứng đầu quốc gia), nhưng trên thực tế lại không có quyền lực. Còn họ Trịnh mới là những người nắm quyền cai trị đất nước thực sự. Quyền lực của chúa Trịnh đã được Samuel Baron miêu tả như sau: “Trong thực tế mọi quyền hành đều do chúa nắm, từ việc quyết định chiến tranh hay hòa bình, tự ra luật và hủy luật, có quyền lên án hoặc ân xá phạm nhân, phong chức hoặc bãi nhiệm quan tòa, tướng lĩnh quân đội, ông ra lệnh thu thuế, ra lệnh phạt... theo chủ ý của mình. Ngoại trừ có sứ thần Trung Hoa, những người ngoại quốc khác đều tâu trình lên chúa. Có thể nói, quyền hành của chúa không chỉ là quyền hành của hoàng gia, mà còn vô tận và tuyệt đối. Bởi thế người châu Âu gọi chúa là vương (King), còn vua được gọi bằng một danh xưng nghe thì to nhưng vô vị là hoàng đế (Emperor). Đối đầu với chúa, dù là việc nhỏ nhất, cũng mang họa vào thân. Vậy nên dù người dân kính trọng vua nhưng họ rất sợ chúa - người luôn được xu nịnh bởi ông ta có quyền lực tối thượng trong tay. Phủ chúa lộng lẫy tựa như cung vua. Họ nhà chúa cũng thế tập, con trưởng kế vị cha” (Samuel Baron, 2019, tr.100-101).

Đặc điểm nổi bật trong quá trình phát triển của lưỡng đầu chế Lê - Trịnh là phạm vi quyền lực của chúa Trịnh không ngừng tăng lên trước sự suy giảm đặc quyền của vua Lê. Các chúa Trịnh đóng vai trò là người đứng đầu cai trị toàn dân, họ cai quản mọi việc “tổng nội ngoại” và những người kế vị họ là thế tử được đề cử làm phụ tá nhà

nước, nắm mọi binh quyền (Vladimir Antoshchenko, 2002, tr.163). Vị thế và vai trò quyết định của chúa Trịnh đối với đời sống chính trị - xã hội Đàng Ngoài đã được những người phương Tây thời bấy giờ biết tới, chẳng hạn Samuel Baron viết: “Người Đàng Ngoài có câu: nghìn vị vua bằng chẳng hề làm đất nước lâm nguy nhưng một ông chúa chết mọi người đều hoang mang, lòng dân bất an, triều chính loạn đảo” (Samuel Baron, 2019, tr.101). Giáo sĩ Alexandre de Rhodes, người sống ở Đàng Ngoài vào thời gian 1627 - 1630 cho biết: “Thanh thế ông vang lừng và ông bắt toàn dân Đàng Ngoài phải đồng tình để cho ông lấy danh hiệu là vương, chữ Hán có nghĩa là vua trong tiếng Đàng Ngoài. Thế là chính nhà vua trị vì lúc đó cũng chấp nhận, không những để ông lấy danh hiệu là chúa mà còn nắm hết chức vụ và mọi quyền” (Alexandre de Rhodes, 1994, tr.10). William Dampier thì mô tả: “Vương quốc này hoàn toàn nằm dưới quyền lực của vị tướng Đàng Ngoài này và những người thừa kế của ông ta, người mang tước vị Choua... Tất cả quyền tư pháp và binh quyền, thuế khóa và việc sắp đặt mọi vấn đề hòa bình hay chiến tranh đều hoàn toàn do Choua quyết định, tất cả đặc quyền là từ ông ta. Ông ta cai trị thần dân bằng quyền lực tuyệt đối với chế độ chuyên chế; cuộc sống, hàng hóa và tài sản của người dân đều do ông ta quyết định” (William Dampier, 1906, tr.2-3). Còn theo ghi chép của Richard Jérôme thì “công việc được tiến hành theo sự chỉ đạo của Trịnh, vị tướng quân chỉ huy cao nhất lực lượng quân đội nhà nước, luôn kiểm soát nhà vua, thậm chí cả việc phế lập ngôi vua. Tuy họ Trịnh tỏ ra mình chỉ là công thần số một và một thượng thư tin cẩn của vương quốc nhưng dưới tấm màn che tôn kính và tận tụy kia,

ông ta được coi ở vị trí có mọi đặc quyền sức mạnh tối cao, cũng như vua, Trịnh còn có quyền trong việc thế tập ngôi chúa... Chính chúa là người quyết định việc chiến tranh hay hòa bình, ban hành luật lệ hay bãi bỏ nó. Ông ân xá phạm nhân, hay xử tử họ, ông ta bổ dụng hay phế truất quan lại dân sự và quân sự. Ông ta áp đặt thuế cống phẩm, ông ta thu tất cả các khoản thuế của vương quốc, và sử dụng tùy theo ý của ông ta” (Richard Jérôme, 1811, tr.745, 747).

Trong khi đó, cũng cùng xu thế phát triển của lưỡng đầu chế Lê - Trịnh, phạm vi quyền hạn của vua Lê ngày càng bị suy giảm. Sự thất thế của vua Lê trong đời sống chính trị Đàng Ngoài được những người phương Tây mô tả như sau: “Vua Lê chỉ buông rèm trong cung cấm và chẳng ai bén mảng đến ngoài mấy đứa mật thám mà phủ chúa phái sang. Vua cũng chẳng được phép ra ngoài cung cấm nhiều hơn một lần trong năm, thường vào dịp lễ tết. Toàn bộ công việc còn lại, vua chỉ việc chuẩn y những gì chúa muốn và thực hiện việc đó thông qua những lệnh chỉ cho đúng tính lễ nghi” (Samuel Baron, 2019, tr.100). William Dampier thì chép rằng: “Boua chỉ còn là cái bóng của quyền lực mà trước đây tổ tiên của ông từng nắm giữ. Boua sống một cuộc sống bị giam lỏng như tù nhân của nhà nước, trong cung điện cũ với những người thê thiếp và con cái của mình. Boua được sùng kính bởi tất cả người dân Đàng Ngoài và dường như cả Choua, người không bao giờ dùng vũ lực ép buộc ông nhưng đôi khi bằng tất cả sự tôn trọng có thể tưởng tượng. Boua chỉ có một số người hầu cận theo, không có bất cứ quan lại nào nghị sự với ông cũng như không được phép có bất kì lính hộ vệ” (William Dampier, 1906, tr.2-3). Còn theo Richard Jérôme: “Chỉ có một nhà

vua ở Đàng Ngoài được biết đến với danh nghĩa là Dova, ông ta dùng danh hiệu đó như những đồ trang sức độc đáo. Mặc dù mọi luật lệ đều được ban bố dưới danh nghĩa của ông ta, và được coi là người có quyền ra lệnh tất cả, nhưng trong thực tế ông ta chẳng có bất cứ sự tham gia nào trong chính quyền... Chính nhà vua là người duy nhất mà hoàng đế Trung Hoa chấp nhận cho xưng danh là vua, nhưng ông ta lại không biết tí gì về quyền lực của tướng quân thống lĩnh” (Richard Jérôme, 1811, tr.745-746). Thậm chí, việc chọn người kế vị ngai vàng nhà Lê thực tế cũng bị các chúa Trịnh kiểm soát. Giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã nói đến vấn đề này như sau: “Mặc dầu việc lập vua mới bao giờ cũng dựa vào hàng hoàng gia thân niên nhất mà toàn dân đều biết, thế nhưng ngày nay việc lựa chọn tuyệt đối tùy thuộc vào phán đoán của chúa gọi là roi du pays” (Alexandre de Rhodes, 1994, tr.9).

Rõ ràng, những ghi chép và mô tả của những người nước ngoài đến Đàng Ngoài thời đó đã góp phần cho thấy được thực tế sống động về tương quan quyền lực giữa vua Lê và chúa Trịnh trong lưỡng đầu chế. Trước sự lấn át quyền hành của các chúa Trịnh, đã không ít lần các vua Lê tìm cách giành lại thực quyền, nỗ lực nhằm trả lại nguyên trạng “status quo” như trước kia, song đều bị thất bại. Có thể kể đến những cố gắng bất thành của vua Lê Anh Tông vào năm 1573, vua Lê Kính Tông vào năm 1619 và hoàng tử Lê Duy Mật vào năm 1737 (Vladimir Antoshchenko, 2002, tr.163). Thực trạng này kéo dài cho đến khi lưỡng đầu chế Lê - Trịnh sụp đổ vào năm 1786.

Thứ năm, lưỡng đầu chế Lê - Trịnh, đặc biệt là bộ máy tổ chức phủ chúa Trịnh mang

hình thái quân phiệt chuyên chế với vai trò rất lớn của các tướng lĩnh (Lê Kim Ngân, 1969, tr.40). Tước vị của các chúa Trịnh khi được vua Lê ban phong luôn gắn liền với cụm từ “Nguyên soái, Tổng quốc chính” hoặc “Nguyên soái, Chương quốc chính” tức là người đứng đầu lực lượng vũ trang của quốc gia. Từ khi họ Trịnh thế tập tước vương, lập vương phủ đến khi diệt vong thì đời chúa Trịnh nào cũng nắm giữ chức vị này. Chẳng hạn tước “Đô nguyên súy tổng quốc chính” của Trịnh Tùng (năm 1599), “Nguyên soái thống quốc chính” của Trịnh Tráng (năm 1623), “Nguyên soái chương quốc chính” của Trịnh Tạc (năm 1652), “Đại nguyên soái, tổng quốc chính” của Trịnh Căn (năm 1684) và Trịnh Cương (năm 1714), “Nguyên soái thống quốc chính” của Trịnh Giang (năm 1730), “Nguyên soái tổng quốc chính” của Trịnh Doanh (năm 1742) và Trịnh Sâm (năm 1767) (Ngô Sĩ Liên, 1993, tr.205, 225, 243; Quốc sử quán nhà Nguyễn, 2007, tr.355, 405, 474, 556, 667). Tuy về sau, lực lượng văn quan được tăng cường, đảm nhận các vị trí của võ quan, nhưng thực tế lực lượng võ quan mới đảm bảo được sự duy trì quyền lực của chúa Trịnh. Chính tính chất quân phiệt còn nặng nề đó mà chúa Trịnh đã không thể kiến lập một chính quyền hoàn toàn riêng biệt cho mình mà vẫn phải dựa vào triều đình vua Lê vốn mang tính quan liêu.

Cuối cùng là về nền tảng tư tưởng của lưỡng đầu chế Lê - Trịnh. Thể chế chính trị đặc biệt này rõ ràng phản ánh sự khác biệt trong tư tưởng chính trị ở Đại Việt thế kỷ XVII - XVIII. Trong suốt 1.000 năm duy trì chế độ quân chủ chuyên chế (từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX), do những ảnh hưởng sâu sắc của học thuyết Nho gia Trung Hoa nên quyền lực chính trị của các triều đại Việt Nam luôn được chi phối bởi tư tưởng trung

ương tập quyền. Nó thể hiện qua việc đề cao và tuyệt đối hoá vị trí của người đứng đầu đất nước như một nguyên tắc bất di bất dịch. Uy quyền và vị trí của người đứng đầu nhà nước là tuyệt đối, tối thượng có vai trò chi phối và điều hành mọi mặt của đời sống chính trị - xã hội. Cùng với tư tưởng này là việc xoá bỏ tư duy chính trị cá nhân, xung hung xung bá địa phương, dẹp tan các thế lực cát cứ (Trần Ngọc Vương, 2008, tr.61). Ngôi vua có tính độc tôn tuyệt đối nên cho dù rơi vào hoàn cảnh nào đi chăng nữa cũng không thể chia sẻ cho bất cứ ai khác dòng họ mình. Đó là quan niệm “một nước không thể có hai vua”. Nhưng lưỡng đầu chế Lê - Trịnh thực tế thì đi ngược lại hoàn toàn những lý thuyết cơ bản này của Nho giáo. Lưỡng đầu chế Lê - Trịnh không phải là một thể chế nhất thời do một quyền thần áp dụng khi có thế lực mạnh để khuynh đảo địa vị vua, mà là định chế tồn tại gần hai thế kỷ. Các nhà nghiên cứu cho rằng, nó có nguồn gốc từ tư tưởng bá chủ và bá đạo của thời Xuân Thu ở Trung Quốc (Lê Kim Ngân, 1969, tr.333-334). Chính sách theo đuổi của các chúa Trịnh là bá nghiệp do họ Trịnh dựng lên, truyền đời nhau hoàn toàn dựa trên căn bản của bá đạo (Lê Kim Ngân, 1969, tr.345). Cùng với tư tưởng bá đạo là nguyên tắc “chính do phương bá” được coi là căn bản của thể chế Lê - Trịnh trong suốt hai thế kỷ XVII và XVIII, được biểu thị bằng câu nói “hoàng gia giữ uy phúc, vương phủ nắm binh quyền”.

6. Kết luận

Sự xuất hiện và tồn tại kéo dài trong suốt hai thế kỷ của lưỡng đầu chế Lê - Trịnh đã để lại nhiều hệ quả lịch sử đáng chú ý.

Trước hết là tình trạng phân liệt đất nước kéo dài trong hơn hai thế kỷ (1545 - 1786) từ Nam - Bắc triều đến Trịnh - Nguyễn phân tranh và đặc biệt là cục diện Đàng Ngoài - Đàng Trong. Đồng thời, do tư tưởng bá đạo của các chúa Trịnh, sự trăn trở về chính danh nên xã hội Đàng Ngoài dưới thời Lê - Trịnh thường xuyên xảy ra các cuộc nổi dậy chống lại triều đình (Trần Ngọc Vương, 2008, tr.63). Từ giữa thế kỷ XVIII trở đi, chính quyền Lê - Trịnh rơi vào khủng hoảng. Đến năm 1786 thì chúa Trịnh bị cuộc khởi nghĩa Tây Sơn lật đổ. Nhà Lê cũng chỉ tồn tại tiếp tục được hai năm sau đó thì diệt vong (năm 1788), ứng nghiệm câu nói “Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong”. Lương đầu chế Lê - Trịnh sau đó được thay thế bằng một thể chế chính trị tập quyền trung ương cao hơn, được lập ra vào năm 1802 bởi nhà Nguyễn - triều đại quân chủ cuối cùng trong lịch sử Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Samuel Baron (2019), *Mô tả vương quốc Đàng Ngoài*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Phan Huy Chú (2005), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Hoàng Xuân Hãn (1966), “Gốc tích các chúa Trịnh và một bức thư Nôm của Trịnh Kiểm”, *Tạp chí Sử Địa*, số 4.
- Nguyễn Thừa Hỷ (2010), *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội*, *Tuyển tập tư liệu Phương Tây*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Kim (2006), “Về cơ chế hai chính quyền cùng song song tồn tại trong lịch sử Việt Nam và Nhật Bản”, *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Khuyết danh (1977), *Lê triều quan chế*, Viện Sử học, Hà Nội.
- Ngô Sĩ Liên (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Lê Kim Ngân (1969), *Lương đầu chế tại Việt Nam dưới thời Lê Trung hưng (1599-1786)*, Viện Đại học Sài Gòn, Sài Gòn.
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Alexandre de Rhodes (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Ủy ban đoàn kết Công giáo, Tp. Hồ Chí Minh.
- Trần Thị Vinh (2004), “Thế chế chính quyền nhà nước thời Lê - Trịnh sản phẩm đặc biệt của lịch sử Việt Nam thế kỷ XVI - XVIII”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 332.
- Viện Sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam*, t.3,4, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Trần Ngọc Vương (2008), “Lương đầu chế thời Lê - Trịnh và những hệ quả lịch sử của nó”, *Tạp chí Triết học*, số 209.
- Vladimir Antoshchenko (2002), “The Trinh Ruling Family in Vietnam in the 16th-18th Centuries”, *Asian and African Studies*, Vol. 11, No. 2.
- William Dampier (1906), *Dampier's Voyages*, Vol. II, E. Grant Richards, London.
- Olga Dror - K. W. Taylor (2006), *Views of Seventeenth-Century Vietnam: Christoforo Borri on Cochinchina and Samuel Baron on Tonkin*, Southeast Asia Program Publications, New York.
- George E. Dutton - Jayne S. Werner - John K Whitmore (2012), *Sources of Vietnamese Tradition*, Columbia University Press, New York.
- Richard Jérôme (1811), “History of Tonquin”, *A General Collection of the Best and Most Interesting Voyages and Travels in All Parts of the World*, Vol. IX. (John Pinkerton, ed.), London.

